

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 09/01/2023

“*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Thẩm phán: Bà **Tôn Thị Xuân Thủy** và Bà **Trần Thị Thanh Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Công Hách** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H: Bà **Nguyễn Thị Mai Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 469/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương M, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2022/QĐXX-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th** – Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H** – Sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn V ngày 04/02/1998. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị Th và anh H đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 23/11/1999, Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 31/5/2007. Cháu H đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và cháu Nh, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H, GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 973104 do UBND huyện Chương M cấp ngày 14/10/2013 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th. Chị đề nghị chia đôi khối tài sản này.

- Bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân anh nhất trí như chị Th trình bày. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Đúng như chị Th trình bày. Nếu chị Th nhất quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Ch và cháu Nh.

Về tài sản chung và nợ chung: anh H đề nghị giữ nguyên tài sản và sau này để lại cho các con.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 469/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương M, thành phố H quyết định:

Áp dụng các Điều 33, 38, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 23/11/1999, Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Bảo Nh, sinh năm 31/5/2007. Cháu H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao chị Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Bảo Nh, sinh năm 31/5/2007, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh H đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh H có các tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H, Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 973104 do UBND huyện

Chương M cấp ngày 14/10/2013 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th, diện tích theo GCNQSD đất là 371m², đo thực tế là 386m², trị giá: 386m² x 10.000.000đồng/m² = 3.860.000.000 đồng.

- 01 nhà 1 tầng có khu phụ trị giá 41.597.820 đồng
- 01 nhà tạm sát nhà 1 tầng trị giá: 3.998.400 đồng.
- 01 nhà tạm cấp 4 (tường đá ong) trị giá 6.460.160 đồng
- 01 mái vẩy lợp tôn giáp đường làng và ngõ nhà ông Thanh trị giá 9.720.360 đồng
- 01 bể nước trị giá 500.000 đồng
- 01 cửa xếp trị giá 1.000.000 đồng
- 06 cây bưởi trị giá 2.460.000 đồng.
- các tài sản khác như: mái vẩy lợp tôn trước nhà 1 tầng, sân lát gạch đỏ, sân láng xi măng, tường bao, khu chuồng trại, cổng sắt ... đã hết khấu hao hội đồng định giá không tiến hành định giá.

Tổng giá trị tài sản: 3.925.736.740 đồng.

- Chị Th và anh H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản trong tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng, thành tiền là: 3.925.736.740 đồng/2 = 1.962.868.370 đồng

- Phân chia hiện vật:

+ Giao chị Th được quyền sử dụng 192,9m² đất ở tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H, giới hạn bởi các điểm (2',3,4,5,6,7,8,9, 10,10, 2') trong sơ đồ phân chia kèm theo bản án. Chị Th được sở hữu các tài sản trên phần diện tích đất được chia gồm: 01 nhà tạm diện tích 41,2m², 01 mái vẩy lợp tôn diện tích 40,2m², 01 cửa xếp, 06 cây bưởi.

+ Giao anh H được quyền sử dụng 192,9m² đất ở tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H, giới hạn bởi các điểm (1,2,2',10',11,1) trong sơ đồ phân chia kèm theo bản án. Anh H được sở hữu các tài sản trên phần diện tích đất được chia gồm: 01 nhà 1 tầng, 01 nhà tạm diện tích 25,5m², mái vẩy lợp tôn trước và cạnh nhà 1 tầng, sân lát gạch, 01 cửa sắt.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia.

Chị Th và anh H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật và pH nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.

4. Về công nợ: Chị Th và anh H không yêu cầu giải quyết về công nợ nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13/10/2022, bị đơn là anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 469/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương M, thành phố H với nội dung anh không muốn ly hôn

với chị Hà để tập trung nuôi dạy con cái. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 469/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương M, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vào ngày 13/10/2022 là trong thời hạn kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố H chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về hôn nhân: Chị Th cho rằng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay, anh H thường xuyên uống rượu say và đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay.

Anh Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm vì anh không muốn ly hôn với chị Th và có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh H không tham gia, mặt khác anh cũng không có các biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm anh H cũng thừa nhận sau khi kết hôn hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H vẫn giữ nguyên quan điểm mong muốn đoàn tụ nhưng vẫn không chủ động giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân của anh H và chị Th là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc Tòa án cấp sơ thẩm cho chị Th được ly hôn anh H là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Th và anh H có 03 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 23/11/1999, Nguyễn Bảo Ch, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 31/5/2007. Cháu H đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Cháu Nh và cháu Ch có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, các cháu đều là con gái, đang ở độ tuổi phát triển cần sự chỉ bảo và chăm sóc của mẹ. Do vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H, Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 973104 do UBND huyện Chương M cấp ngày 14/10/2013 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th, diện tích theo GCNQSD đất là 371m², đo thực tế là 386m². Anh H không đồng ý chia tài sản và không cung cấp các tài liệu liên quan đến tài sản chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H được anh H chị Th nhờ bố đẻ chị Th đứng ra mua hộ, một phần tiền vay của bố chị Th, một phần của vợ chồng anh H chị Th và một phần vay mượn. Sau khi mua thửa đất đã được UBND huyện Chương M cấp CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 973104 ngày 14/10/2013 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th. Trong quá trình sử dụng vợ chồng anh chị đã xây dựng các công trình trên đất như biên bản thẩm định, định giá của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 8, tại xóm 2-5, thôn Văn L, xã Văn V, huyện Chương M, thành phố H là tài sản chung của vợ chồng anh H, chị Th là có căn cứ.

Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 973104 có ghi diện tích là 371 m², tại sơ đồ đo vẽ thực tế sử dụng đất theo kết quả thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm là 386 m². Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo biên bản xác minh tại UBND xã Văn V, huyện Chương M thể hiện: Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 đo đạc và tính toán diện tích đất theo phương pháp thủ công nên số liệu đo đạc không chính xác. Anh H và chị Th vẫn sử dụng ổn định và không có tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề; không có vi phạm pháp luật đất đai và đóng thuế đầy đủ. Do vậy, việc chênh lệch 15 m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với diện tích sử dụng thực tế không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất hợp pháp của anh chị theo quy định tại Khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai 2013.

Xét về nguồn gốc đất, công sức đóng góp để hình thành nên khối tài sản chung của anh H và chị Th là như nhau nên cấp sơ thẩm phân chia tài sản chung theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 50% khối tài sản chung là đúng qui định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 469/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương M, thành phố H.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H pH chịu án phí Hôn nhân Gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2020/0076248 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H;
- VKSND thành phố H;
- TAND huyện Chương M;
- THADS huyện Chương M;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lê Na